

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51 /2021/DSPT

Ngày: 6/4/2021

*V/v: Tranh chấp hợp đồng gửi giữ
tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Năm.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung -Thư ký TAND tỉnh BN.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 6 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 50/2021/TLPT- DS ngày 25/01/2021 về “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2020/DS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện QV, tỉnh BN bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2021/QĐ-PT, ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh BN, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963. Vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã VH, huyện QV, tỉnh BN.

Người có kháng cáo: Ông Nguyễn Kim T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà với ông T, bà D quan hệ vừa là người làng, vừa là họ hàng. Gia đình ông T làm kinh doanh kho lạnh nên hàng năm

gia đình bà đều gửi khoai tây giống ở kho lạnh của nhà ông T, một số năm có nhiều người đi gửi khoai ở kho khác nhưng bà chỉ gửi kho nhà ông T. Những năm trước gia đình bà gửi khoai cũng bị hỏng nhưng không hỏng nhiều, mỗi bao 30kg thì chỉ hỏng mấy củ, hỏng là thối nhũn ra. Vì trước khi gửi khoai bà đã chọn khoai giống là củ tốt, chọn theo kinh nghiệm trồng khoai nhiều năm. Còn đến vụ khoai năm 2019 sau khi lấy khoai từ kho lạnh nhà ông T về thì khoai lại bị hỏng, củ khoai rắn như đá, cắt ra xem thấy bên trong có chỗ rỗng màu thịt khoai đen. Ngay hôm sau khi lấy khoai về bà mang lưng túi bóng khoai, khoảng 20-30 củ đến nhà ông T. Khi đi có cả bà Song ở cùng làng cũng xách khoai hỏng đến nhà ông T. Khi đến nhà ông T bà có nói: Chú Tụ ơi không hiểu kho máy nhà chú chạy thế nào mà hỏng hết khoai; ông T nói với bà là khoai nhà các bà dỡ hôm mưa và bị nhiễm khuẩn nên mới bị như thế, bà có nói với ông T là không phải thế mà là do kho nhà ông bị hỏng, sau đó bà B về nhà đi làm. Từ đó đến nay vợ chồng ông T cũng không có trách nhiệm gì với bà. Bà biết việc khoai hỏng là không ai mong muốn, nếu ban đầu nhà ông T mà có ý kiến nói với bà thì bà sẽ thông cảm, hỗ trợ bà phần nào thì bà cũng nhất trí, vì cùng là hàng xóm và họ hàng với nhau. Nhưng vì vợ chồng ông T không có trách nhiệm gì, nên bà mới kiện ra Tòa án đề nghị giải quyết.

Đối với việc gửi khoai: Khoảng tháng 02/2019 sau tết nguyên đán, khi nhà ông T thông báo trên loa truyền thanh của thôn để mọi người đến gửi khoai giống như mọi năm. Nhà bà B có mang 528kg khoai tây giống đến gửi kho lạnh nhà ông T, đóng vào 16 bao. Khoai nhà bà B gửi là giống khoai Đức, chủ yếu là khoai xuân, chỉ có 02 bao khoai Đông khoảng 60kg. Đến khoảng tháng 9/2019 ông T lại thông báo cho mọi người đến lấy khoai về và trả 1.000.000đ tiền công gửi cho ông T. Theo giá gửi chung là 2.400đ/kg, thì nhà bà còn thiếu 267.000đ, nhưng sau khi phát hiện khoai hỏng thì bà B không thanh toán phần tiền còn thiếu lại cho ông T.

Về nguyên nhân khoai hỏng theo bà B là do máy kho lạnh nhà ông T bị hỏng. Thực tế trong quá tình bảo quản khoai kho lạnh nhà ông T bị hỏng khoảng 10 ngày, có người ở thôn Đình trực tiếp chữa kho lạnh cho nhà ông T. Quan điểm giải quyết vụ án, nếu ông T nhất trí hòa giải thì bà B chỉ yêu cầu ông T bồi thường $\frac{1}{2}$ số khoai hỏng và $\frac{1}{2}$ tiền công gửi giữ. Nhưng nếu ông T không nhất trí hòa giải thì bà B đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T phải trả lại cho bà số tiền gửi khoai đã trả là 1.000.000đ và bồi thường 528kg khoai giống với giá 16.000đ/kg tương đương với giá 8.448.000đ, tổng là 9.448.000đ.

Tại phiên tòa bà B đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông T phải có trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$ số khoai giống bị hỏng là 264kg tương đương 4.224.000đ và chịu $\frac{1}{2}$ số tiền gửi khoai là 500.000đ, tổng là 4.724.000đ.

Bị đơn là Ông Nguyễn Kim T, Bà Nguyễn Thị D trình bày: Ông làm dịch vụ bảo quản khoai giống cho bà con trong thôn đã được 15 năm. Khi khoai Xuân thu hoạch được 15-20 ngày thì ông T gọi loa nhận nhập khoai để bà con mang khoai đến gửi. Khi bà con mang khoai đến ông T chỉ đặt lên cân và xếp vào kho. Ông T chỉ nhận và trả khoai có trong bao, số lượng khoai hao hụt tự nhiên thường khoảng từ 5-7% (tùy từng loại khoai xấu hay đẹp). Khi nhập kho ông không kiểm tra chất lượng đầu vào, bởi vì không thể đổ từng bao khoai ra để kiểm tra được. Hộ gia đình nào khoai đẹp thì khi ra kho vẫn đẹp, hộ gia đình nào khoai xấu thì ra kho vẫn xấu. Bản thân ông chỉ biết chạy máy, điều chỉnh nhiệt độ trong kho cho phù hợp. 15 năm làm dịch vụ bảo quản khoai giống, ông không ký hợp đồng về chất lượng đối với các đầu thu gom và các hộ dân. Ông T thừa nhận có nhận bảo quản khoai giống của nhà bà B tại kho lạnh nhà mình, số lượng khoai bà B gửi là 16 bao tương đương với 528kg như ghi trong sổ sách. Ông T đã trả hết số khoai cho bà B, bà B đã thanh toán 1.000.000đ tiền gửi khoai. Sau khi bà B mang khoai về thì ngày hôm sau bà B có mang mấy củ khoai hỏng đến phản ánh. Nhưng do nhiều nhà phản ánh khoai hỏng nên ông không thể đến kiểm tra từng nhà được. Sau đây ông có lấy mẫu khoai của hai nhà Phụ Tuyến và Yên Tiến đi xét nghiệm tại Viện bảo vệ thực vật Hà Nội. Kết quả xét nghiệm cho thấy mẫu củ giống khoai tây bị nhiễm 02 bệnh héo vàng, thối củ do nấm *Fusarium* sp và bệnh héo xanh do vi khuẩn *Ralstonia solanacearum*. Nay bà B khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải bồi thường số tiền 4.724.000đ ông không nhất trí.

Với nội dung như trên bản án sơ thẩm số 27/2020/SD-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện QV, tỉnh BN đã căn cứ Điều 554, 555, 556, 557, 558 Bộ luật dân sự; Điều 147, 217, 227, điểm c khoản 2 Điều 266, Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử.

Đinh chỉ $\frac{1}{2}$ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị B.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của Bà Nguyễn Thị B

Buộc Ông Nguyễn Kim T và Bà Nguyễn Thị D phải bồi thường cho Bà Nguyễn Thị B số tiền giá trị của một nửa số khoai tây giống bị hỏng là 4.224.000đ và phải trả lại cho bà B một nửa số tiền gửi khoai giống mà bà B đã trả là 500.000đ. Tổng ông T, bà D phải có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 4.724.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2020 Ông Nguyễn Kim T có đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt và xin miễn án phí theo diện thân nhân của liệt sĩ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng miễn án phí cho ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của Ông Nguyễn Kim T được nộp trong hạn luật định, có nội dung phù hợp là kháng cáo hợp lệ nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy, bản án sơ thẩm đã xem xét giải quyết đầy đủ các yêu cầu của đương sự; xác định đúng quan hệ tranh chấp; đưa đầy đủ người có liên quan vào tham gia tố tụng, tiến hành lấy lời khai của các đương sự trong vụ án, mở phiên họp hòa giải, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đảm bảo theo trình tự thủ tục luật định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ vào

Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung vụ án: Khoảng tháng 02/2019, Bà Nguyễn Thị B có đem 528kg khoai tây giống đến gửi tại kho lạnh của vợ chồng Ông Nguyễn Kim T, Bà Nguyễn Thị D. Khi đem khoai tây đến ông T không bỏ ra kiểm tra mà chỉ đếm bao và cân, sau đó nhập khoai vào kho, số lượng bao và khối lượng khoai gửi được ông T ghi vào sổ theo dõi của ông T. Giá gửi hai bên thỏa thuận là 2.400đ/1kg. Trước khi đến vụ trồng khoai, gia đình ông T thông báo mọi người đến lấy khoai, khi lấy khoai về hai bên cũng không kiểm tra lại khoai ngay mà chỉ đếm bao sau đó trở về. Tuy nhiên, sau khi nhận lại khoai giống về một hôm gia đình bà B kiểm tra thấy toàn bộ số khoai của bà lấy về từ kho của nhà ông T bị hỏng, có hiện tượng cứng như đá, cắt ra xem thấy bên trong có chỗ rỗng, màu thịt khoai đen. Bà B đã đến nhà ông T, gặp vợ chồng ông T và bà D để nói về việc khoai nhà bà bị hỏng hết. Ông T bảo khoai nhà bà B bị hỏng là do thu hoạch lúc mưa và bị nhiễm khuẩn. Nhưng sau cũng không thấy vợ chồng ông T đến xem và giải quyết gì. Do đó hai bên cũng không thống nhất được cụ thể thể nào, khoai hỏng bao nhiêu, tại sao hỏng và bồi thường thế nào. Do không thể hòa giải được với nhau về việc giải quyết tranh chấp nên bà B đã khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông T, bà D phải có trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$ số khoai giống bị hỏng và buộc trả lại $\frac{1}{2}$ số tiền gửi khoai bà đã trả cho ông T.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, xét kháng cáo của đương sự Hội đồng xét xử thấy:

Thứ nhất, giữa ông T và bà B có thỏa thuận về việc gửi 528kg khoai giống tại kho lạnh nhà ông T. Việc gửi giữ tuy không được các bên lập thành hợp đồng nhưng căn cứ từ việc thừa nhận của các bên, căn cứ vào sổ sách ghi chép của gia đình ông T có thể xác định giữa ông T, bà D với bà B có phát sinh hợp đồng gửi giữ tài sản.

Thứ hai, ông T thừa nhận gia đình bà B có gửi khoai tại kho lạnh nhà ông. Phía bà B cho rằng sau khi lấy khoai về được một hôm thì phát hiện ra toàn bộ số khoai lấy về từ kho lạnh nhà ông T đều bị hỏng hết. Việc khoai bị hỏng bà B có tìm gặp ông T, bà D để trao đổi bàn cách giải quyết nhưng gia đình ông T không giải quyết. Về phía ông T cũng xác định gia đình bà B sau khi lấy khoai giống về thì khoai có bị hỏng nhưng không phải hỏng toàn bộ. Như vậy, việc các bên xác định có khoai tây giống bị hỏng là căn cứ phát sinh thiệt hại trong quan hệ gửi giữ tài sản giữa ông T, bà D với bà B.

Thứ ba, phía nguyên đơn trình bày toàn bộ số lượng khoai giống đều được nguyên đơn chọn lựa sau khi thu hoạch đảm bảo đủ điều kiện về khoai làm giống, được đóng bao và bảo quản tốt trước khi gửi vào kho lạnh nhà ông T. Còn việc ông T đồng ý nhập khoai vào kho là phải chịu trách nhiệm về chất lượng đầu vào của khoai giống. Về nguyên nhân khoai giống hỏng bà B cho rằng trong quá trình bảo quản khoai thì kho lạnh nhà ông T từng bị hỏng phải sửa chữa nên bà B cho rằng đây là nguyên nhân chính cho việc khoai bị hỏng. Về việc này ông T cho rằng khoai hỏng là không phải lỗi của gia đình ông. Vì sau khi các hộ dân báo khoai bị hỏng ông đã mang khoai đi giám định tại Viện bảo vệ thực vật Hà Nội, theo kết luận của Viện bảo vệ thực vật nguyên nhân khoai hỏng là do vi khuẩn và nấm mà vi khuẩn và nấm bị nhiễm vào củ khoai từ ngoài đồng, trước khi các hộ mang gửi vào kho nhà ông T. Mặc dù ông T thừa nhận có việc hỏng máy lạnh nhưng ông cho rằng đó không phải là nguyên nhân gây hỏng khoai giống nên việc khoai hỏng không phải lỗi từ việc bảo quản của gia đình ông. Để chứng minh cho ý kiến của mình ông T đã cung cấp cho Tòa án kết quả giám định mẫu bệnh của Viện bảo vệ thực vật bộ môn bệnh cây và miễn dịch thực vật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy về trình tự thủ tục thu thập mẫu vật và quá trình ông T đi giám định là không đảm bảo theo quy định của pháp luật về thu thập chứng cứ. Cụ thể, khi lấy mẫu không có người làm chứng, mẫu phẩm giám định không xác định được nguồn gốc từ đâu, khi ông T đi giám định không có sự chứng kiến của người gửi khoai đi cùng nên không thể xác định được đây là những mẫu bệnh phẩm trong số khoai mà gia đình bà B gửi ông T. Do đó, kết luận giám định của ông T không có giá trị pháp lý để chứng minh trong vụ án. Trong khi đó có người làm chứng (là người sửa máy lạnh kho của ông T) về việc máy lạnh nhà ông T bị hỏng trong quá trình bảo quản khoai. Như vậy, việc bản án sơ thẩm xác định khoai giống của nhà bà B bị hỏng có một phần lỗi từ phía ông T là có căn cứ.

Tại thời điểm lấy khoai về gia đình nhà bà B không kiểm tra khoai ngay, mà ngày hôm sau mới phát hiện khoai bị hỏng. Khi phát hiện khoai hỏng cũng không yêu cầu ông T phải giải quyết ngay hoặc tiến hành lập biên bản việc việc khoai hỏng để xác định số lượng khoai bị hỏng. Như vậy, trong quan hệ gửi giữ khoai giữa bà B với ông T thì bà B cũng phải có trách nhiệm đối với những thiệt hại phát sinh. Việc bản án sơ thẩm xác định các bên đều có lỗi và xác định trách nhiệm của các bên như nhau là thỏa đáng.

Như vậy, quyết định bản án sơ thẩm tuyên xử buộc ông T, bà D phải có nghĩa vụ bồi thường $\frac{1}{2}$ thiệt hại cho bà B là có căn cứ, việc ông T kháng cáo với nội dung này là không có căn cứ chấp nhận.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm ông T cung cấp giấy Tổ quốc ghi công của ông Nguyễn Kim Tập là bố ông T, nên ông T thuộc trường hợp thân nhân liệt sĩ và được miễn án phí. Tại phiên tòa ông T có đơn đề nghị xin miễn án phí nên cần chấp nhận yêu cầu này của ông T, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông T, bà D như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp.

Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí: Ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 148; khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 554, 555, 556, 557, 558 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Nguyễn Kim T, sửa bản án sơ thẩm đối với phần tuyên xử về án phí.

Đình chỉ $\frac{1}{2}$ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị B.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của Bà Nguyễn Thị B.

Buộc Ông Nguyễn Kim T và Bà Nguyễn Thị D phải bồi thường cho Bà Nguyễn Thị B số tiền giá trị của một nửa số khoai tây giống bị hỏng là 4.224.000đ và phải trả lại cho bà B một nửa số tiền gửi khoai giống mà bà B đã trả là 500.000đ. Tổng ông T, bà D phải có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 4.724.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Nguyễn Kim T, Bà Nguyễn Thị D và miễn án phí dân sự phúc thẩm cho Ông Nguyễn Kim T. Hoàn trả Ông Nguyễn Kim

T 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0002380 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QV.

Hoàn trả cho bà B số tiền 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001040 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QV.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện QV;
- Chi cục THADS huyện QV;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hòa